

Số: 19 /KH-MNYH

Yên Hòa, ngày 12 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2021 - 2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo sửa đổi và bổ sung một số nội dung chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo đã được sửa đổi theo thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ hướng dẫn số 237/PGD-MN ngày 6/9/2021 V/v thực hiện Quy chế Giáo dục mầm non năm học 2021-2022;

Căn cứ hướng dẫn số 236/PGD-MN ngày 6/9/2021 v/v thực hiện thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022 của nhà trường;

Trường Mầm non Yên Hòa quận Cầu Giấy lập kế hoạch thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra năm học 2021 - 2022 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tính đoàn kết nội bộ tốt.

- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở đơn vị (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế: công khai số trẻ em/nhóm lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập, số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của nhà trường:

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn có từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 củ Thủ tướng Chính Phủ.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Thực hiện miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

b- Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Thực hiện 4 kiểm tra.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra việc phân bổ ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên...

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tại người thu.

- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở: Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm.

V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2021-2022 trước 30/10/2021.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021-2022 của trường mầm non Yên Hòa - Quận Cầu Giấy.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Cầu Giấy (để báo cáo);
- Các tổ, khối, bộ phận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
TRƯỜNG MẦM NON YÊN HÒA

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2020- 2021

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe.- Đạt 96,3% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng.- Đạt 88,8% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao- 90% trẻ có thói quen tự phục vụ phù hợp độ tuổi.- 90% trẻ nghe và hiểu được lời nói của người khác, nói được câu đơn giản. Biết diễn đạt hiểu biết thông qua câu nói đơn hoặc cử chỉ tay đưa ra, lắc đầu, gật đầu.- 90% trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe.- Đạt 90,8% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng.- Đạt 92,3% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao- 90% trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ phù hợp độ tuổi.- 98% trẻ chủ động tích cực hứng thú tham gia vào các hoạt động giáo dục, mạnh dạn trong giao tiếp, biết chia sẻ hợp tác với bạn bè trong các hoạt động, có ý thức bảo vệ môi trường.- 95% trẻ hiểu được câu nói của người khác, sử dụng được các câu nói phức tạp hơn.- 90% trẻ có hiểu biết về xã hội, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh, có kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT)	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Phát triển thể chất: -98% trẻ thực hiện được vận động cơ bản và một số tổ chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, THĂNG	* Phát triển thể chất: -98% trẻ tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		<p>bằng cơ thể)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. Thực hiện phối hợp tay – mắt, phối hợp tay – chân - cơ thể, thể hiện sức mạnh của cơ bắp. <p>* Phát triển tình cảm xã hội:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc <p>* Phát triển nhận thức:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật gần gũi quen thuộc <p>* Phát triển ngôn ngữ:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp 	<p>động</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt -Rèn luyện kỹ năng Bé tập làm nội trợ <p>* Phát triển tình cảm xã hội:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, biết chia sẻ, biết lắng nghe - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ <p>* Phát triển nhận thức:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ham hiểu biết, thích tìm hiểu khám phá các sự vật, thế giới xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh , phán đoán - Có khả năng diễn đạt tình cảm thông qua hành động và ngôn ngữ - Có một số khái niệm sơ đẳng về toán <p>* Phát triển ngôn ngữ:</p> <p>+ 98% trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau(lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận nhịp điệu, vần điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết <p>* Phát triển thẩm mỹ:</p>

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			+ 99,5% trẻ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	* HĐ của trẻ: - Hoạt động vui chơi - Hoạt động ngày hội ngày lễ - Giao lưu văn nghệ * HĐ của cô: - Bồi dưỡng chuyên môn - Kiến tập chuyên đề - Tham gia các Hội thi	* HĐ của trẻ: - Hoạt động vui chơi - Hoạt động ngày hội ngày lễ - Giao lưu văn nghệ - Thăm quan dã ngoại * HĐ của cô: - Bồi dưỡng chuyên môn - Kiến tập chuyên đề - Tham gia các Hội thi

Yên Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
TRƯỜNG MẦM NON YÊN HÒA

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020 – 2021

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	1202	132	298	336	436
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	1202	132	298	336	436
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	1202	132	298	336	436
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	1202	132	298	336	436
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	1202	132	298	336	436
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	1202	132	298	336	436
1	Số trẻ cân nặng bình thường	1108	124	284	317	383
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	22	6	5	3	8
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	1185	129	292	333	431
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	17	3	6	3	5
5	Số trẻ thừa cân béo phì	72	2	9	16	45
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục					
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	1202	132			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo			298	336	436

Yên Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
TRƯỜNG MẦM NON YÊN HÒA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2021-2022**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	21	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	21	1,6 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6194	60m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2400	2.3 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	100-150	1.8-2.5 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	100	1.8 m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	396	0.38 m ² /trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	612	59 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	170	0.17 m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	240	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	170	0.17 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1430	86 bộ/nhóm lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1070	9 bộ/9 nhóm, lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	52	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8	7 loại
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- Máy vi tính: 24 - Máy chiếu: 3 - Máy in: 11	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	22	1/nhóm lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)		
3	Máy PHOTO COPY	1	
5	Catsset		
6	Đầu Video/đầu đĩa	10	1/nhóm lớp
7	Bàn ghế đúng quy cách	600 bộ	2 cháu/bàn

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	3	- Bồn tiểu nhà vệ sinh: 30	0.25-0.4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Yên Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
TRƯỜNG MẦM NON YÊN HÒA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	96		2	66	10	12	6	36	37	1	30	41	6	
I	Giáo viên	71			62				35	36					
1	Nhà trẻ	9			8		1		5	4		3	4	2	
2	Mẫu giáo	62			54	8	0		30	32		24	37	4	
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				1	1		2			
III	Nhân viên	22													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	19			2	2	9								

Yên Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

